

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN BIÊN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2018/DS-ST
Ngày: 28-8-2018
V/v tranh chấp dân sự về đòi lại
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thân;
2. Bà Hồ Thị Mỹ Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Huỳnh Như, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Lan, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 29/2018/TLST-DS ngày 30 tháng 01 năm 2018 về “Tranh chấp dân sự về đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2018/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Võ Văn T, sinh năm 1957; cư trú tại: Tổ Y, khu phố V, thị trấn T, huyện B, tỉnh Tây Ninh, “Vắng mặt”.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1983; hộ khẩu thường trú: Số TT Khu phố H, phường H, Quận M, thành phố Hồ Chí Minh; cư trú tại: Số nhà S, tổ B, đường T, khu phố K, thị trấn B, huyện B, tỉnh Tây Ninh là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 28/02/2018), “Vắng mặt”.

- *Bị đơn:* Chị Bùi Thị Mộng T1, sinh năm 1983; cư trú tại: Số nhà ABC, tổ XYZ, ấp G, xã M, huyện B, tỉnh Tây Ninh, “Có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 01 năm 2018 của nguyên đơn – ông Võ Văn T và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - ông Nguyễn Văn N trình bày:

Ông Võ Văn T và chị Bùi Thị Mộng T1 chung sống với nhau như vợ chồng từ khoảng năm 2011 - 2015, ông T và chị T1 chung sống như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống chị T1 có hỏi mượn tiền của ông T để mua sắm vật dụng trong gia đình. Tuy nhiên ông T có nói với chị T1 là có người quen bán các mặt hàng gia dụng nên ông T sẽ liên hệ mua và thanh toán tiền trước sau này chị T1 có tiền sẽ trả lại cho ông sau. Vào ngày 18/11/2011 ông T có mua dùm chị T1 một số vật dụng như sau:

- 01 bộ bàn ăn 8 ghế giá 15.000.000 đồng;
- 01 bộ Salon gỗ bên giá 30.000.000 đồng;
- 01 Nệm Kimdan giá 14.000.000 đồng;
- 01 Máy lạnh Panasonic giá 9.500.000 đồng;
- 01 Nệm thường giá 2.200.000 đồng;
- 01 Máy giặt giá 4.100.000 đồng;
- 01 Bàn trang điểm giá 2.500.000 đồng;
- 01 Tủ lạnh Panasonic giá 4.800.000 đồng;
- 01 Kệ trưng bày giá 4.300.000 đồng;
- 01 Bếp gas giá 700.000 đồng;
- 01 Giường sắt màu trắng giá 1.200.000 đồng.

Tổng cộng số tiền mua các vật dụng trên là 88.300.000 đồng, các vật dụng trên ông Thành mua tại cửa hàng nội thất - điện máy - điện lạnh HK tọa lạc tại đường V, khu phố H, thị trấn G, huyện D, tỉnh Tây Ninh. Khi mua ông T đã thanh toán đủ số tiền trên cho cửa hàng.

Ngoài ra, ông T có cho chị T1 mượn một nhà sắt tiền chế diện tích 4m x 10m, đặc điểm nhà lợp bằng tôn, cột bằng sắt và dựng sát bên nhà chị T1 tại ấp G, xã M, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Trị giá căn nhà sắt khoảng 40.000.000 đồng.

Trong đơn khởi kiện ông T yêu cầu chị T1 hoàn trả lại cho ông T tổng số tiền 128.300.000 đồng, trong đó gồm 88.300.000 đồng tiền ông T mua dùm chị T1 các vật dụng trong gia đình tại cửa hàng HK (Có hóa đơn kèm theo) và 40.000.000 đồng tiền căn nhà sắt mà ông T đã cho chị T1 mượn.

Tuy nhiên tại bản trình bày ngày 27/8/2018 ông T rút lại chỉ yêu cầu chị T1 hoàn trả số tiền 1.780.000 đồng theo giá trị tài sản của Hội đồng định giá đã định gồm: Máy giặt trị giá 400.000 đồng; Bàn trang điểm trị giá 160.000 đồng; Tủ lạnh trị giá 100.000 đồng;

kệ trung bày trị giá 80.000 đồng; giường sắt trị giá 240.000 đồng; máy lạnh trị giá 800.000 đồng. Ông T rút lại không yêu cầu giải quyết đối với số tiền 126.520.000 đồng đối với các vật dụng sau: Bàn ăn tám ghế, salon gỗ bên, nệm Kimdan, bếp gas và căn nhà sắt.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 16 tháng 3 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – chị Bùi Thị Mộng T1 trình bày:

Chị Bùi Thị Mộng T1 có khoảng thời gian chung sống như vợ chồng với ông Võ Văn T vào khoảng năm 2011 - 2015, chị và ông T chung sống như vợ chồng tại nhà ông T thuộc Khu phố X, thị trấn T, huyện B, tỉnh Tây Ninh nhưng không có đăng ký kết hôn cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Trong quá trình chung sống ông T có cho chị các vật dụng như sau: Máy giặt Sanyo; bàn trang điểm; kệ trung bày; nệm (không biết hiệu gì); tủ lạnh hiệu Panasonic; giường sắt; nhà sắt tiền chế diện tích 4m x 10m nhưng các vật dụng trên là đồ cũ của nhà ông T giặc ra cho chị. Còn các vật dụng như bàn ăn tám ghế, salon gỗ bên, bếp gas, máy lạnh ông Thành không có cho chị. Chị thừa nhận nhà chị có bếp gas, máy lạnh Panasonic nhưng do ba chị là ông Bùi Trung T mua cho chị. Hiện nay các vật dụng như nệm, tủ lạnh đã hư hỏng không còn giá trị sử dụng, căn nhà sắt tiền chế ông T cho chị đã hư hỏng, vào năm 2017 chị đã bỏ tiền ra sửa chữa, cải tạo lại căn nhà sắt khoảng 27.000.000 đồng. Các vật dụng trên là đồ cũ của ông T cho chị vì chị và ông T chung sống với nhau như vợ chồng, chị không nhờ ông T mua hay xin bất cứ tài sản nào của ông T. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông T yêu cầu chị hoàn trả số tiền 1.780.000 đồng, chị đồng ý trả cho ông T số tiền 1.780.000 đồng, việc chị đồng ý trả tiền cho ông T là chị muốn giải quyết xong vụ án chị không muốn liên quan gì đến ông T nữa.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt.
- Bị đơn chị Bùi Thị Mộng T1 đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn T.
- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa chị T1 đồng ý trả cho ông T số tiền 1.780.000 đồng và đồng ý chịu án phí dân sự sơ thẩm. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được bị đơn đồng ý chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đình chỉ giải quyết phần yêu cầu nguyên đơn đã rút.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Thời hiệu khởi kiện: Do các giao dịch về tài sản phát sinh vào ngày 18/11/2011 đến ngày 26/01/2018 ông Võ Văn T khởi kiện yêu cầu chị Bùi Thị Mộng T1 hoàn trả số tiền nên căn cứ vào Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 688 Bộ luật Dân sự xác định thời hiệu vẫn còn.

[2] Về nội dung vụ án:

Tại bản tường trình ngày 27/8/2018 ông Võ Văn T đã tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 126.520.000 đồng, ông chỉ yêu cầu chị Bùi Thị Mộng T1 hoàn trả lại cho ông giá trị tài sản mà Hội đồng định giá đã định gồm: Máy giặt trị giá 400.000 đồng; bàn trang điểm trị giá 160.000 đồng; tủ lạnh trị giá 100.000 đồng; kệ trưng bày trị giá 80.000 đồng; giường sắt trị giá 240.000 đồng; máy lạnh trị giá 800.000 đồng. Tổng cộng ông T yêu cầu chị T1 hoàn trả lại cho ông giá trị tài sản là 1.780.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T, tuy nhiên tại phiên tòa chị T1 đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông T, chị T1 tự nguyện đồng ý hoàn trả cho ông T số tiền 1.780.000 đồng và đồng ý chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật vì chị muốn giải quyết nhanh vụ án không muốn liên quan gì đến ông T nữa, xét việc chị T1 đồng ý hoàn trả cho ông T số tiền 1.780.000 đồng là hoàn toàn tự nguyện không trái pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Xét việc ông Võ Văn T rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 126.520.000 đồng là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ giải quyết đối với số tiền 126.520.000 đồng.

[3] Về chi phí thẩm định, định giá tài sản số tiền là 1.500.000 đồng. Ông T phải chịu chi phí thẩm định và chi phí định giá tài sản do đã rút một phần yêu cầu. Ghi nhận ông T đã nộp xong chi phí thẩm định tài sản và chi phí định giá tài sản.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Bùi Thị Mộng T1 phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 166, Điều 458 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn T về việc yêu cầu chị Bùi Thị Mộng T1 hoàn trả số tiền 1.780.000 (một triệu bảy trăm tám mươi nghìn) đồng.

Buộc chị Bùi Thị Mộng T1 có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Võ Văn T số tiền 1.780.000 (một triệu bảy trăm tám mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày ông Võ Văn T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Bùi Thị Mộng T1 không trả số tiền nêu trên thì hàng tháng chị T1 còn phải trả cho ông T số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn T đối với số tiền 126.520.000 (một trăm hai mươi sáu triệu năm trăm hai mươi nghìn) đồng.

3. Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Buộc ông Võ Văn T phải chịu 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng chi phí thẩm định tài sản và định giá tài sản, ghi nhận ông T đã nộp xong.

4. Về án phí: Buộc chị Bùi Thị Mộng T1 phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Võ Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Võ Văn T 3.207.500 (ba triệu hai trăm lẻ bảy nghìn năm trăm) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0004970 ngày 30/01/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh

5. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm. Đối với các đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV.TAT (1);
- VKS huyện Tân Biên (2);
- Chi cục THADS huyện Tân Biên (1);
- Các đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ (N³).

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Nguyễn Văn Nam